

Sông Công, ngày 03 tháng 11 năm 2021

Số: 115/ 2021/ QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 113/ 2019/ TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 7, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 7, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị B nhất trí thoả thuận chia tài sản chung sau ly hôn, cụ thể như sau:*

- Giao cho ông Phạm Văn Đ được quyền sử dụng phần diện tích đất từ giáp phần tường rào (đoạn 2-6) đến phần đất giáp phía nhà ông Huy (trên sơ đồ thể hiện nằm trong phần diện tích trong từ đoạn từ 2-3-4-5-6), diện tích 190,4m², gồm 100m² đất ODT và 90,4m² đất CLN thuộc thửa đất số 71 tờ bản đồ số 48-I và toàn bộ công trình xây dựng, cây cối trên phần đất này.

Tạm giao cho ông Phạm Văn Đ tiếp tục sử dụng 49,4m² đất liền kề phía sau chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên sơ đồ ký hiệu (6-A-B-C-D-E-F-G-4). Trường hợp đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, ông Đ có trách nhiệm làm thủ tục với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Ông Phạm Văn Đ được quyền sở hữu tài sản, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 vô tuyến Samsung, 01 lò vi sóng, 02 điều hòa, 01 máy giặt Panasonic, 01 tủ lạnh Sanyo, 01 bộ bàn ghế, 01 bàn ăn và một số tài sản khác: 01 công nhà bằng Inox, 01 xe máy Sirius, 01 téc nước.

- Giao cho bà Trần Thị B được quyền sử dụng phần diện tích đất từ phần tường rào (đoạn 2-6), bao gồm cả tường rào, đến hết phần đất còn lại (trên sơ đồ thể hiện nằm trong phần diện tích trong từ đoạn từ 1-2-6-7-8), diện tích 215,6m², gồm 100m² đất ODT và 115,6m² đất CLN thuộc thửa đất số 71 tờ bản đồ số 48-I và toàn bộ công trình xây dựng, cây cối hoa màu trên phần đất này.

Tạm giao cho bà Trần Thị B tiếp tục sử dụng 35m² đất liền kề phía sau chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên sơ đồ ký hiệu (6-A-B1-B2-B3-B4-7). Trường hợp đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, bà B có trách nhiệm làm thủ tục với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Bà Trần Thị B được quyền sở hữu: 01 xe đạp điện, 11 chỉ vàng và số tiền 60.000.000 đồng bà B Đ quản lý.

(Cụ thể theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị B tại Tổ 7, phường Mỹ Khê, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công)).

- Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị B có trách nhiệm đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục bỏ định vị vị trí đất ở trên sơ đồ thửa đất số 71 tờ bản đồ số 48 – trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 630954, UBND thị xã Sông Công cấp ngày 21/11/2006 số vào sổ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 00433, tên người sử dụng đất: Ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị B.

** Về án phí và chi phí tố tụng:*

- Về án phí: Miễn án phí chia tài sản chung cho bà Trần Thị B và ông Phạm Văn Đ.

Trả lại bà Trần Thị B số tiền 5.796.250 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007754 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị B thỏa thuận, mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà B đã nộp 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định và

định giá (đã chi phí hết). Ông Đ có trách nhiệm trả cho bà B 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Sông Công;
- Chi cục THADS TP Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Văn Phong